

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quốc Huân và bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thảo Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đ V T**, sinh ngày 12/02/1981, tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ V H và bà Đ T H (đã chết); có vợ là Ng T Đ và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: ngày 12/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Ph xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: + anh Nguyễn M T, sinh năm 1989; nơi thường trú: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ anh Nguyễn Đ Tr, sinh năm 1983; nơi thường trú: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ ông Hà V M, sinh năm 1966; nơi thường trú: thôn N, xã S, huyện T, tỉnh B; nơi ở hiện nay: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ chị Trần T N, sinh năm 1983; nơi thường trú: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ bà Nguyễn T H, sinh năm 1969; nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Những người làm chứng: anh Nguyễn V H, anh Phạm N D, anh Nguyễn Th Q, ông Vy K H - đều vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: trong khoảng thời gian từ ngày 09/12/2024 đến ngày 13/12/2024, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Đ Tr và anh Nguyễn M T, bị cáo Đ V T đã 03 lần vào bãi tập kết xe, tại khu vực sân vận động thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC lấy trộm 03 chiếc xe mô tô của anh Tr và 01 chiếc xe mô tô của anh T, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09/12/2024, Đ V T đi bộ một mình đến khu vực sân vận động thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC. Khi đến nơi, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển kiểm soát 14S1-038.65 của anh Nguyễn M T đang để trong khu vực mái che bằng tôn ở giữa tường bao phía Tây sân vận động, xe không khoá cò, khoá càng. Quan sát xung quanh không có người trông coi, quản lý, T đã dùng tay bẻ gãy phần gắn biển kiểm soát rồi vứt ở khu vực sân vận động huyện TC. Sau đó, Tuấn dắt chiếc xe mô tô trên mang đi giấu cạnh tường bao phía đông của sân vận động huyện TC, cách vị trí ban đầu anh T để xe khoảng 40 mét. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10/12/2024, T đến dắt chiếc xe trên ra đoạn đường 23/3, thị trấn T, huyện TC và bán chiếc xe này cho bà Nguyễn T H với giá 500.000 đồng.

Lần thứ hai: khoảng 18 giờ ngày 11/12/2024, T tự ý lấy một chiếc xe kéo ở Trung tâm thương mại huyện TC, một mình kéo xe vào sân vận động huyện TC để trộm cắp xe mô tô của anh Tr để ở khu vực mái che bằng tôn (cạnh vị trí chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển kiểm soát 14S1-038.65 của anh Nguyễn M T đã bị T lấy trộm trước đó). Tại đây, T dùng tay bẻ gãy biển kiểm soát của xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Rxim (vỏ bên ngoài ghi nhãn hiệu Honda Wave @) và biển kiểm soát chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvou màu đỏ. Sau đó, T vận chuyển 02 chiếc xe trên lên xe kéo rồi đem đi bán cho ông Hà V M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen cho với giá 500.000 đồng và bán cho chị Trần T N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou, màu đỏ với giá 500.000 đồng.

Lần thứ ba: khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/12/2024, Tuấn tiếp tục đi bộ một mình vào sân vận động huyện TC lấy trộm xe mô tô của anh Nguyễn Đ Tr để trong khu vực mái che bằng tôn. Do không có người trông coi, nên T dùng tay bẻ gãy biển kiểm soát của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh ném ở khu vực sân vận động, sau đó T đem xe đến khu vực ngã 3 M, thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC bán cho bà Nguyễn T H với giá 500.000 đồng.

Ngày 13/12/2024, anh Nguyễn Đ Tr và anh Nguyễn M T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TC trình báo sự việc, đồng thời anh Tr giao nộp 03 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 19S1-3084, 14K7-9893 và 17K8-7593; anh T giao nộp 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 14S1-038.65.

Cơ quan điều tra Công an huyện TC tiến hành khám nghiệm và thu giữ tại hiện trường 02 biển kiểm soát 19S1-3084 và 14S1-038.65. Ngoài ra còn thu giữ của ông Hà V M 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Honda Wave không có biển kiểm soát; của chị Trần T N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou không có biển kiểm soát; của chị Nguyễn T H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, đều không có biển kiểm soát.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 02/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện TC kết luận: xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Honda Wave giá trị là 1.666.000 đồng; xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter giá trị là 6.000.000 đồng; xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu Honda Wave giá trị là 3.330.000 đồng; xe mô tô màu đỏ, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou giá trị là 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có lời khai phù hợp với nội dung vụ án, bị cáo khai nhận từ ngày 09/12/2024 đến ngày 13/12/2024, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Đ Tr, anh Nguyễn M T, bị cáo đã 03 lần vào bãi tập kết xe, thuộc khu vực sân vận động thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC lấy trộm 03 chiếc xe mô tô của anh Tr và 01 chiếc xe mô tô của anh T, tổng trị giá tài sản do bị cáo trộm cắp là 11.999.000 đồng. Bị cáo còn khai nhận do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo trộm cắp tài sản không bàn bạc với ai, không có ai giúp sức. Bị cáo bán xe mô tô không nói cho người mua biết là xe do trộm cắp mà có; số tiền bán xe mô tô đã chi tiêu cá nhân hết, đến nay bị cáo không có tiền trả lại. Bị cáo thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn M T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: vào khoảng năm 2018, tôi có mua lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14S1-038.65 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen của anh Nguyễn V H với giá là 15.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên Phạm N D, việc mua bán không có hóa đơn nhưng có giấy tờ xe đầy đủ. Khoảng cuối năm 2023, chiếc xe bị mất chìa khóa nên tại thời điểm đó, tôi không sử dụng chiếc xe đó nữa. Do nhà không có chỗ để xe, nên tôi có để nhờ ở khu vực mái tôn sân vận động huyện TC, tôi không khóa xe và cũng không thuê người trông coi chiếc xe này. Từ khi để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14S1-038.65 tại khu vực mái che bằng tôn ở sân vận động huyện TC, tôi ít khi kiểm tra nên tôi không biết chiếc xe trên mất từ thời gian nào. Đến khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 18/12/2024, tôi kiểm tra xe mô tô thì không thấy xe đâu. Sau đó, tôi có gặp anh Tr làm nghề sửa chữa xe mô tô tại khu C, thị trấn T, huyện TC thì được biết anh Tr cũng để xe máy ở khu vực mái tôn sân vận động huyện TC và cũng bị mất trộm. Anh Tr đã trình báo việc mất trộm đến Cơ quan Công an và biết được người lấy trộm xe máy của anh Tr là anh T. Ngày 19/12/2024, tôi có làm đơn trình báo Công an về việc mất trộm chiếc xe mô tô, đến ngày 26/02/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô, biển số xe và giấy tờ liên quan cho tôi. Nay tôi không yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị hại anh Nguyễn Đ Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: khoảng 07 giờ 00 phút, sáng ngày 12/12/2024, tôi đi ra bãi để xe mô tô mà tôi để nhờ ở sân vận động khu C, thị trấn T, huyện TC thì phát hiện bị mất 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 1981-3084, nhãn hiệu Rxim, màu đen xám (xe đã được chủ cũ thay đổi vỏ xe thành xe Wave, màu đen), nên tôi đã trình báo với Cơ quan Công an huyện TC. Đến trưa ngày 13/12/2024, tôi kiểm tra bãi xe thì phát hiện bị mất trộm 02 chiếc xe mô tô nữa, trong đó có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou, màu đỏ, biển kiểm soát 14K7-9893 và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K8-7593, nhãn hiệu Wayxin, màu đỏ đen (xe đã được chủ cũ thay đổi vỏ tem xe

thành xe Wave, màu xanh). Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ đã mua 03 chiếc xe trên của ai, vào thời gian nào và với giá bao nhiêu tiền. Tôi chỉ nhớ tôi mua lại chiếc xe biển kiểm soát 1981-3084, nhãn hiệu Rxim, giấy tờ xe Nguyễn T Q từ một người nam giới, khi mua không có hóa đơn hợp đồng, nhưng có đầy đủ giấy tờ xe. Chiếc xe biển kiểm soát 14K7-9893, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou, màu đỏ, giấy tờ xe mang tên Vy K H và chiếc xe nhãn hiệu Wayxin màu đỏ đen, giấy tờ xe mang tên Nguyễn V C, khi mua không có hóa đơn nhưng có đầy đủ giấy tờ. Ngày 13/12/2024, tôi làm đơn trình báo cơ quan Công an về việc mất trộm xe mô tô, sau đó tôi được biết người lấy trộm 03 xe mô tô trên của tôi là anh Đinh V T, ngày 26/02/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô đã bị trộm cắp. Nay tôi xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì với bị cáo về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần T N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 11/12/2024, anh T đem chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvou, màu đỏ, xe không có biển, không có yên xe, bị vỡ yếm đến nhà bán cho tôi với giá 500.000 đồng. Trong lúc mua xe, tôi có hỏi anh T tại sao không để lại xe đi mà lại đem bán cho tôi thì anh T nói với tôi đây là xe của anh T, do xe để ở cảng đã cũ nát, không có nhu cầu sử dụng, nên anh T đem xe bán cho tôi. Khi được biết chiếc xe anh T bán cho tôi là do trộm của người khác mà có thì tôi đã tự giác đem xe đến cơ quan Công an huyện để giao nộp và trình bày thành khẩn nội dung vụ việc mua bán xe mô tô giữa anh T và tôi. Nay tôi yêu cầu anh T hoàn trả lại cho tôi số tiền 500.000 đồng mà tôi đã đưa cho anh T để mua chiếc mô tô trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà V M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 11/12/2024, tôi đang ở nhà thì anh Đ V T đem 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen, không có biển kiểm soát đến nhà tôi nói muốn bán xe mô tô, tôi xem xe và tôi đồng ý mua của T chiếc xe đó với giá 500.000 đồng. Khi mua xe, tôi có hỏi anh T đây là xe của ai, tại sao không bán cho những người thu mua sắt vụn tại Cầu M thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC mà lại đem bán cho tôi thì anh T có nói với tôi rằng đây là xe của T, những người thu mua sắt vụn tại Cầu M chỉ mua 200.000 đồng nên mới mang xe vào bán cho tôi. Lúc đó, tôi nghĩ chiếc xe trên là của T nên đã đồng ý mua lại với mục đích sẽ tháo rời để bán phế liệu. Sau khi làm việc với cơ quan Công an, tôi được biết chiếc xe nêu trên không phải là xe của anh T, mà do anh T đã lấy trộm của anh Nguyễn Đ Tr rồi đem bán cho tôi, tôi đã tự giác đem xe mô tô giao nộp cho cơ quan Công an huyện TC làm căn cứ giải quyết vụ án. Nay tôi không yêu cầu anh T phải hoàn trả số tiền 500.000 đồng đã bỏ ra để mua chiếc xe trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: trong tháng 12/2024, tôi đã mua của anh T 02 chiếc xe mô tô, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 10/12/2024, tôi đang đi thu mua phế liệu tại đoạn đường 23/3, thị trấn T, huyện TC thì gặp T ở khu vực sân vận động huyện TC. Tại đây, T hỏi tôi có thu mua xe cũ không và T có 01 xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter cũ, màu đen muốn bán và tôi đồng ý thu mua lại của T với giá 500.000 đồng. Sau đó, T giúp tôi cho xe lên xe kéo rồi tôi chở chiếc xe này về kho phế liệu tại nhà tôi thuộc thôn Đ, xã T, huyện TC. Lần thứ hai, vào khoảng 13 giờ 00 phút vào ngày 13/12/2024, khi tôi đang kéo xe đi thu mua phế liệu đến đoạn

gần ngã 3 Điện M thuộc khu C, thị trấn TC, huyện TC thì T hỏi tôi có mua tiếp xe mô tô hỏng nữa không và tại đây T đã bán cho tôi 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, màu xanh ngọc với giá 500.000 đồng. Khi mua 02 xe mô tô của T, tôi có hỏi T về nguồn gốc xe thì cả hai lần T đều nói tất cả là xe của anh T, do xe cũ bị hỏng không có giấy tờ và không có nhu cầu sử dụng nữa nên anh T đem bán cho tôi. Sau khi làm việc tại cơ quan điều tra, tôi mới biết T đã lấy trộm hai chiếc xe trên của người khác sau đó bán lại cho tôi và tôi tự giác giao nộp hai chiếc xe trên cho cơ quan điều tra Công an huyện TC. Nay tôi yêu cầu anh T trả lại tôi số tiền 1.000.000 đồng đã mua xe mô tô của anh T.

Người làm chứng anh Nguyễn V H khai: vào khoảng tháng 7/2018, tôi có bán cho anh Nguyễn M T một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển kiểm soát 1481- 038.65 với giá 15.000.000 đồng. Chiếc xe này không phải là xe của tôi mà được tôi mua lại từ anh Phạm N D, anh D có viết giấy bán xe nhưng do thời gian đã lâu nên hiện nay giấy mua bán xe này tôi đã làm mất.

Người làm chứng anh Phạm N D khai vào khoảng tháng 8/2015, anh bán chiếc xe mô tô của tôi nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 1481-038.65, màu xanh bạc cho một nam thanh niên ở huyện TC với giá 30.000.000 đồng; việc giao dịch mua bán có viết giấy tờ mua bán xe, nhưng anh đã làm mất giấy tờ trên.

Người làm chứng ông Vy K H khai năm 2021 ông có bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14K7-8983, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Nouvou cho một người phụ nữ ở huyện TC với giá 3.000.000 đồng, nhưng không viết giấy tờ mua, bán.

Người làm chứng anh Nguyễn T Q khai vào khoảng đầu tháng 3/2008, anh có mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Rxim, màu đen xám, biển kiểm soát 19S1-3084 và anh sử dụng xe mô tô đến khoảng năm 2018 thì bán lại cho 01 người đàn ông không quen biết với giá 500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 120/CT-VKSCT ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Đ V T về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt Đ V T từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 123, 131 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Tuấn phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn T H số tiền 1.000.000 đồng; chị Trần T N số tiền 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản định giá tài sản, tài liệu khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 09/12/2024 đến ngày 13/12/2024, tại khu vực sân vận động thuộc khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Đ V T đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, trị giá 6.000.000 đồng của anh Nguyễn V T và 02 lần trộm cắp 03 xe mô tô, tổng trị giá 5.999.000 đồng của anh Nguyễn Đ Tr.

Hành vi chiếm đoạt 04 xe mô tô, tổng trị giá 11.999.000 đồng của bị cáo Đ V T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”..

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và du khách tham quan du lịch tại địa bàn. Bị cáo đã trưởng thành, nhận thực được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Ph xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, chỉ vì mục đích tư lợi muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, không chịu lao động chân chính mà bất chấp lao vào con đường phạm tội, nên cần xử lý bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo ba lần trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một

thời gian nhất định, để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, qua xem xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đ V T theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng, chị Trần T N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy giao dịch mua bán xe mô tô giữa bà Huyền, chị N và bị cáo T được xác định là giao dịch vô hiệu vì nội dung của giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật khi bị cáo không phải là chủ sở hữu của tài sản, tài sản giao dịch mua bán là do phạm tội mà có. Bà H, chị N mua tài sản không biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp mà có, nên bà H, chị N là người chiếm hữu ngay tình. Vì vậy, yêu cầu của bà H, chị N đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà V M tự nguyện không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại số tiền 500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận quyền định đoạt tài sản của ông M và không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung ngân sách nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Đ Tr 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, biển kiểm soát 19S1-3084; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvou, màu đỏ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh và các giấy tờ kèm theo; trả lại anh Nguyễn M T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển kiểm soát 14S1-038.65 và giấy tờ kèm theo; việc trao trả là phù hợp pháp luật.

Đối với 02 biển kiểm soát (14K7-9893, 17K8-7593) bị cáo đã tháo từ hai chiếc xe mô tô trộm cắp của anh Tr vớt lại khu vực sân vận động huyện TC. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng hiện chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ xem xét xử lý sau là có căn cứ.

[10] Về biện pháp ngăn chặn: do bị cáo bị áp dụng hình phạt tù, nên Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh” đối với bị cáo.

[11] Trong vụ án này có ông Hà V M, bà Nguyễn T H và chị Trần T N là người đã mua 04 chiếc xe mô tô của bị cáo T, nhưng ông M, bà H, chị N không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Đ V T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đ V T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 123, Điều 131, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc bị cáo Đ V T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn T H số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) và chị Trần T N số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015).

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đ V T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/4/2025; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT, CQTHAHS, Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện TC;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lưu Minh Đoàn

